

Số: **G7** /CT-TCKT

Bình Phước, ngày 18 tháng 4 năm 2013

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO
Năm 2012

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- + **Tên giao dịch:** Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.
- + **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:** 3800407449 đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 16/11/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.
- + **Vốn điều lệ:** 450.000.000.000 đồng.
- + **Vốn đầu tư của chủ sở hữu:** 450.000.000.000 đồng.
- + **Địa chỉ:** thôn 7, Xã Long Bình, Huyện Bù Gia Mập, Tỉnh Bình Phước.
- + **Điện thoại:** 06513.731.400 **Fax:** 06513.731.092
- + **Email:** headoffice@idico-shp.com.vn **Website:** www.idico-shp.com.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1/ Việc thành lập:

Dự án Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO là dự án thủy điện đầu tiên do Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam (IDICO) đơn vị nắm ngoài ngành điện vừa làm chủ đầu tư, vừa thi công xây dựng theo Quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi số 947/QĐ-TTg ngày 14/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ.

Công trình Thủy điện Srok Phu Miêng nằm trên địa bàn tỉnh Bình Phước thuộc vùng Đông Nam Bộ. Công trình sử dụng nguồn thủy năng của Sông Bé một nhánh sông quan trọng của hệ thống Sông Đồng Nai. Công trình khởi công xây dựng từ ngày 24/11/2003 tại Xã Long Bình, Huyện Phước Long (nay là Huyện Bù Gia Mập), tỉnh Bình Phước trên diện tích 1.914 hecta. Nhà máy có tổng công suất 51 MW gồm hai tổ máy với công suất mỗi tổ 25,5 MW, tổng vốn đầu tư xây dựng nhà máy là 1.149 tỷ đồng. Nhà máy chính thức phát điện thương mại hòa vào lưới điện Quốc gia tổ máy số 1 vào cuối tháng 10/2006 và tổ máy số 2 vào tháng 12/2006, bước đầu đưa vào sử dụng nhà máy đã phát huy hết công suất thiết kế. Lãnh đạo Tổng công ty Điện lực Việt Nam đã khẳng định: “Qua dự án này cho thấy IDICO là đơn vị có năng lực, trưởng thành và đủ điều kiện đảm nhận thực hiện các dự án thủy điện trong nước”.

Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO là công trình thủy điện đầu tiên theo hình thức IPP do IDICO đầu tư xây dựng và quản lý vận hành, công trình được Chính phủ, Bộ Xây Dựng, Bộ công thương và các Ban ngành liên quan đánh giá cao về chất lượng công trình, tiến độ xây dựng và năng lực quản lý điều hành.

Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO là bậc thang thứ ba của hệ thống thủy điện bậc thang Thác Mơ- Cần Đơn - Srok Phu Miêng trên Sông Bé. Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng - IDICO được nhiều công ty lớn và có uy tín tham gia trong quá trình xây dựng.

Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO đơn vị trực thuộc Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam chính thức được thành lập theo Quyết định số: 126/ QĐ - TCT ngày 06 tháng 11 năm 2006 của Hội đồng quản trị IDICO.

2.2/ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:

Ngày 06/12/2004, Bộ Kế hoạch Đầu tư cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 7795 BKH/PTDN và ngày 24/12/2008 UBND tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 7795.

Ngày 15/02/2007, Cục Điều tiết điện lực cấp Giấy phép hoạt động điện lực số 562/GP-BCN và ngày 02/10/2009 Cục Điều tiết điện lực cấp Giấy phép hoạt động điện thực số 73/GP-ĐTDL.

Ngày 30/08/2007, Bộ Xây Dựng ban hành Quyết định số 1128/QĐ-BXD cổ phần hóa nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO - đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam (IDICO).

Ngày 07/11/2007, Bộ Xây Dựng ra Quyết định số 1377/QĐ-BXD phê duyệt phương án cổ phần hóa bộ phận nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO thuộc Tổng công ty đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam.

Ngày 09/01/2008, Bộ Xây Dựng ra Quyết định số: 29/QĐ-BXD về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa và chuyển bộ phận doanh nghiệp nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO thuộc Tổng công ty đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam (IDICO) thành Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.

2.3/ Niêm yết: Chưa đủ điều kiện niêm yết.

2.4/ Các sự kiện khác trong năm 2012.

- Ngày 04/05/2012, Đại hội đồng cổ đông thường niên họp lần thứ tư.
- Năm 2012 IDICO-SHP đã tích cực đàm phán tăng giá điện, kết quả giá bán điện của Công ty đã được tăng 5% kể từ 01/4/2012. Hiện tại yếu tố phí dịch vụ môi trường rừng và chênh lệch tỷ giá đã được EVN chấp thuận đưa vào công

thúc tính giá mua bán điện nhưng chưa được áp dụng còn chờ hướng dẫn của Bộ công thương.

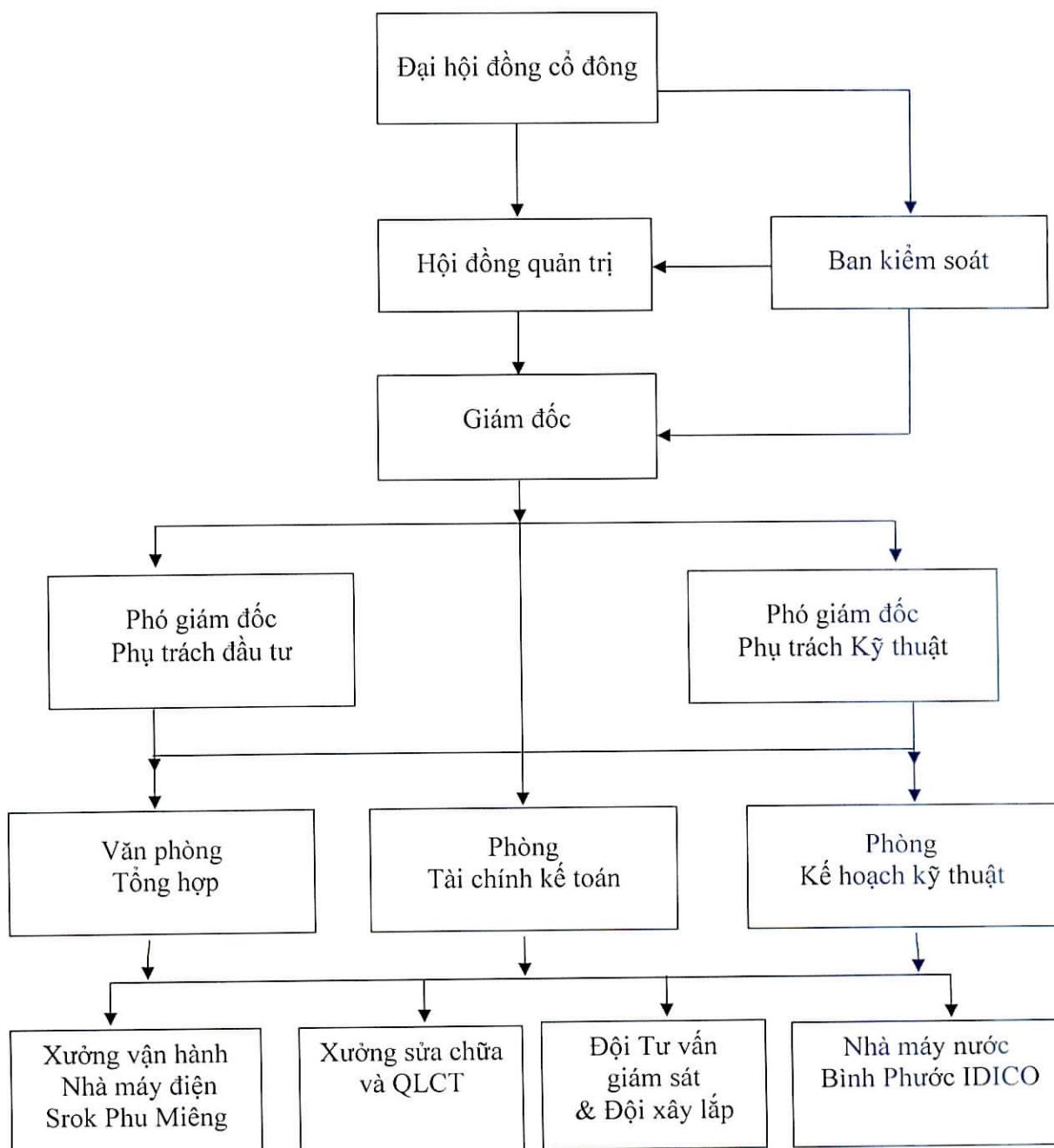
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh điện năng; Sản xuất, kinh doanh nước sạch; tư vấn giám sát; thi công xây lắp.

- Địa bàn kinh doanh chính: Huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1/ Mô hình quản trị, cơ cấu bộ máy quản lý:



4.2/ Các công ty con, công ty liên kết

Không có

4.3/ Cơ cấu vốn điều lệ:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Loại cổ phần phổ thông	Tổng vốn điều lệ (Tr.đ)	Tỷ lệ góp vốn (%)	CN ĐKKD- Số CMND Số ĐKKD
1	<u>Cổ đông nhà nước</u> Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam	151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP.HCM	33.467.603	334.676	74,37	4106000335
2	<u>Cổ đông khác</u>		11.532.397	115.324	25,62	
	Tổng cộng		45.000.000	450.000	100	

5. Định hướng phát triển

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty đã xác định rõ mục tiêu, chiến lược phát triển như sau:

5.1/ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch cụ thể nêu tại mục III.4.
- Đảm bảo vận hành, phát triển ổn định, liên tục và an toàn hai Tô máy theo đúng phương thức vận hành của Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia, tính toán khai thác tối ưu hồ chứa nhằm đạt sản lượng cao nhất.
- Tận dụng khai thác triệt để nguồn nước thiên nhiên để phát huy hết công suất sản xuất nước sạch cung cấp cho các đơn vị tổ chức, cá nhân có nhu cầu.
- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, xây dựng chiến lược, kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực trung và dài hạn.
- Tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.
- Thực hiện tốt nghĩa vụ với NSNN.

5.2/ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Đảm bảo các thiết bị điện vận hành an toàn liên tục, duy trì sản lượng điện sản xuất bình quân hàng năm 228 triệu kWh, giảm thiểu tối đa các chi phí sản xuất, đảm bảo lợi nhuận hợp lý, gia tăng giá trị cho cổ đông..
- Tận dụng nguồn tài nguyên nước, đầu tư mở rộng Nhà máy nước Bình Phước IDICO lên 20.000m³/ngày đêm trong thời gian sắp tới.

- Phát triển mọi nguồn lực để nâng cao sức cạnh tranh, xây dựng và quảng bá hình ảnh, thương hiệu IDICO-SHP gắn với slogan “*thắp sáng niềm tin*”.
- Chú trọng đào tạo, tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực; không ngừng động viên, khích lệ, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ công nhân viên trong Công ty.
- Tiếp tục mở rộng sản xuất kinh doanh đa ngành nghề như: Đào tạo công nhân vận hành cho các Nhà máy Thủy điện, Tư vấn giám sát, Xây lắp các công trình điện..., ưu tiên những dự án, công trình Công ty có nhiều ưu thế.
- Tổ chức đội ngũ tư vấn chuyên nghiệp thực hiện giám sát các công trình xây lắp đường dây, các nhà máy thủy điện, các trạm điện, nhà máy nước, nhà máy xử lý nước thải. Đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ cấp trung, các chuyên gia về kỹ thuật vận hành nhà máy thủy điện áp dụng trình độ công nghệ kỹ thuật tiên tiến để cung cấp cho các nhà máy thủy điện khi đi vào sản xuất.
- Tận dụng quỹ đất được Nhà nước giao kết hợp với điều kiện tự nhiên về khí hậu và thổ nhưỡng được thiên nhiên đặc biệt ưu đãi rất phù hợp để Công ty phát triển các dự án về trồng rừng, cây công nghiệp (**chủ yếu là cây cao su**), nuôi trồng thủy sản.

5.3/ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm bảo vệ môi trường như: thực hiện công tác giám sát chất lượng môi trường hàng năm theo quy định hiện hành...
- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các biện pháp đảm bảo an toàn lao động.
- Tiếp tục thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người lao động cũng như các chế độ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- Tiếp tục thực hiện các hoạt động an sinh xã hội đặc biệt đối với địa phương nơi đơn vị đóng trụ sở.

6. Các rủi ro

Các rủi ro của Công ty chủ yếu là rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất (gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá). Do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính phái sinh, nên Công ty không thực hiện được các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này, cụ thể:

- Quản lý rủi ro tỷ giá:

+ Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính, nên Công ty không thực hiện được biện pháp đảm bảo các công cụ tài chính này.

+ Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm lần lượt là Quỹ tích lũy Bộ tài chính là 712.105,39 USD và Ngân hàng XNK Trung Quốc 6.317.688,55 USD.

- Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

II. Tình hình hoạt động trong năm.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1/ Kết quả hoạt động SXKD trong năm:

Năm 2012 nền kinh tế trong nước vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn thách thức do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu tác động trực tiếp đến môi trường đầu tư, giá cả, thu nhập và đời sống CBCNV. Ban lãnh đạo Công ty và tập thể người lao động đã cố gắng nỗ lực đoàn kết nhất trí khắc phục khó khăn thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

+ Doanh thu:	208.485.332.955 đồng.
+ Lợi nhuận trước thuế:	45.848.700.184 đồng.
+ Nộp NSNN:	26.596.772.889 đồng.
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu:	1.018,9 đồng/cổ phiếu.

1.2/ Những thay đổi chủ yếu trong năm

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Giám đốc, Kế toán trưởng đàm phán điều chỉnh được giá bán điện tăng 5% kể từ ngày 01/4/2012 (*chưa bao gồm thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng*). Đối với yếu tố chênh lệch tỷ giá, mặc dù đã được đưa vào công thức tính giá điện nhưng hiện tại chưa được áp dụng, còn chờ ý kiến hướng dẫn của Bộ Công Thương.

- Năm thứ 3 đưa vào hoạt động, kinh doanh nước sạch tận dụng từ nguồn nước lòng hồ Thủy điện Srok Phu Miêng bán cho khách hàng Công ty cổ phần Xi măng Hà tiên 1 sử dụng cho Nhà máy Xi măng Bình Phước.

- Năm 2012, Ban điều hành đã tích cực đàm phán với các Ngân hàng đồng tài trợ trong nước dự án Thủy điện Srok Phu Miêng để điều chỉnh lịch trả nợ, cơ cấu lại thời gian trả nợ tại Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2012/PLHĐ ngày 15/06/2012 và số 02/2013/PLHĐ ngày 04/01/2013 về việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2004/HĐTD ngày 01/6/2004.

1.3/ Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	Tỷ lệ % TH 2012 so với	
					KH2012	Cùng kỳ năm 2011
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	228	279	122%	126%
2	Sản lượng nước sạch	m ³	549.000	549.000	100%	100%
3	Giá trị SXKD	Tr.đồng	172.822	224.639	130%	127%
4	Doanh thu	Tr.đồng	158.715	208.485	131%	129%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	2.570	45.849	1784%	26565%
6	Nộp NSNN	Tr.đồng	19.979	26.596	133%	142%
7	Giá trị đầu tư phát triển	Tr.đồng	-	-		

- Năm 2012, các chỉ tiêu chính của đơn vị đều đạt và vượt mức kế hoạch đề ra, mức tăng trưởng cao hơn so với cùng kỳ năm trước, cụ thể một số chỉ tiêu chính như sau:

+ Giá trị sản xuất kinh doanh năm 2012 là 224.639 triệu đồng, đạt 130% kế hoạch năm 2012 và tăng 27% so với cùng kỳ năm 2011.

+ Doanh thu năm 2012 là 208.485 triệu đồng, đạt 131% kế hoạch năm 2012 và tăng 29% so với cùng kỳ năm 2011.

+ Lợi nhuận trước thuế năm 2012 là 45.849 triệu đồng, đạt 1784% kế hoạch năm 2012 và tăng 26465% so với cùng kỳ năm 2011.

- Nguyên nhân đạt và vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch:

+ Năm 2012, lưu lượng nước về hồ cao hơn so với cùng kỳ năm trước. Theo thống kê, lưu lượng nước về hồ Srok Phu Miêng đạt 195m³/s, tăng 32% so với cùng kỳ năm 2011 (147m³/s), do đó sản lượng điện năm 2012 đạt 279 triệu kWh, đạt 122% sản lượng kế hoạch năm 2012 đề ra và vượt 26% so với cùng kỳ năm 2011.

+ Năm 2012, IDICO SHP đã tích cực đàm phán tăng giá điện, kết quả giá bán điện của Công ty đã được tăng 5% kể từ 01/4/2012 góp phần tăng doanh thu cho Công ty.

+ Công ty luôn tổ chức vận hành hiệu quả, an toàn hệ thống thiết bị, công trình để tận dụng tối đa nguồn tài nguyên nước và công suất thiết kế của 02 tổ máy nhằm đạt sản lượng cao nhất trong năm.

+ Công ty luôn thực hiện tốt việc khảo sát, lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên và định kỳ, đặc biệt trong các đợt trung tu các tổ máy. Do vậy đã đáp ứng yêu cầu về chất lượng, tiến độ và tiết kiệm chi phí hơn so với thuê ngoài.

+ Công ty luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ kịp thời từ phía Tổng công ty IDICO, sự hợp tác, giúp đỡ của các Ngân hàng và các cơ quan ban ngành địa phương.

2. Tổ chức và nhân sự

- Cơ cấu tổ chức của Công ty được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.

2.1/ Tóm tắt lý lịch của Ban điều hành

* Ông Nguyễn Văn Dinh: Giám đốc Công ty

- | | | |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------|
| + Quốc tịch: Việt Nam. | Năm sinh: 1959. | Giới tính: Nam |
| + Hộ khẩu thường trú | : Long Thành, Nhơn Trạch, Đồng Nai | |
| + Trình độ chuyên môn | : Kỹ sư cơ điện mỏ | |
| + Trình độ lý luận chính trị | : Sơ cấp | |
| + Chức vụ Đảng, đoàn thể | : Bí thư Chi bộ | |
| + Quá trình công tác | : | |
| - Tháng 4/1982 - 4/1989 : Công tác tại Trung tâm thiết kế Thủy điện Sông Đà (Nay là Công ty tư vấn thiết kế thuộc Tổng công ty Sông Đà) | | |
| - Tháng 5/1989 - 12/1996 : Công tác tại Nhà máy dệt kim Hoàng Loan (Tỉnh Nghệ Tĩnh) | | |
| - Tháng 01/1997 - 9/1999 : Công tác tại Công ty xây dựng số 6 thuộc Tổng công ty xây dựng Hà Nội. | | |
| - Tháng 11/1999 - 12/2000: Công tác tại Công ty Phát triển đô thị và khu công nghiệp – Bộ Xây dựng. | | |
| - Tháng 01/2001 - 5/2006 : Công tác tại Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị thuộc Tổng công ty IDICO. | | |
| - Từ tháng 6/2006 đến nay : Công tác tại Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO. | | |
| + Số cổ phần sở hữu và đại diện | : 6.755.300 cổ phần, chiếm 15% VĐL | |
| + Số cổ phần sở hữu | : 5.300 cổ phần | |
| + Số cổ phần đại diện | : 6.750.000 cổ phần | |

* Ông Nguyễn Thanh Hoài: Phó giám đốc Công ty

- | | | |
|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|----------------|
| + Quốc tịch: Việt Nam. | Năm sinh: 1962. | Giới tính: Nam |
| + Hộ khẩu thường trú | : Minh Long, Chơn Thành, Bình Phước | |
| + Trình độ chuyên môn | : Kỹ sư Thủy lợi | |
| + Trình độ lý luận chính trị | : Sơ cấp | |
| + Quá trình công tác | : | |
| - Từ 1985 đến 2002 : Công tác tại Tổng công ty xây dựng Sông Đà. | | |

- Từ 2002 đến 2006 : Công tác tại Ban quản lý dự án Nhà máy thủy điện Srok Phu Miêng IDICO thuộc Tổng công ty IDICO.

- Từ 2006 đến nay : Công tác tại Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.

+ Số cổ phần sở hữu : 2.250 cổ phần, chiếm 0,005% VĐL

*** Ông Bùi Hải Nam: Phó giám đốc Công ty**

+ Quốc tịch: Việt Nam. Năm sinh: 1979. Giới tính: Nam

+ Hộ khẩu thường trú : K01A/29 Lê Trọng Tấn, Đà Nẵng.

+ Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Điện

+ Trình độ lý luận chính trị : Sơ cấp

+ Chức vụ đoàn thể : Chủ tịch công đoàn, Bí thư Chi đoàn

+ Quá trình công tác:

- Tháng 10/1998 - 6/2001 : Công tác tại Công ty Phát triển đô thị và khu công nghiệp thuộc Tổng công ty IDICO.

- Tháng 6/2001 - 10/2007 : Công tác tại Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị thuộc Tổng công ty IDICO.

- Tháng 10/2007 đến nay : Công tác tại Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.

+ Số cổ phần sở hữu và đại diện : 6.775.000 cổ phần, chiếm 15% VĐL

+ Số cổ phần sở hữu : 25.000 cổ phần

+ Số cổ phần đại diện : 6.750.000 cổ phần

*** Ông Nguyễn Trọng Thạo: Kế toán trưởng** công ty từ tháng 7/2010 đến tháng 8/2012.

+ Quốc tịch: Việt Nam. Năm sinh: 1975. Giới tính: Nam

+ Số CMND: : 151118613, cấp ngày 23/5/1998, tại Thái Bình.

+ Hộ khẩu thường trú : Xã Vũ Công, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

+ Trình độ chuyên môn : Cử nhân Đại học Kinh tế, CFO - AAFM.

+ Trình độ lý luận chính trị : Trung cấp.

+ Chức vụ đoàn thể : Phó chủ tịch công đoàn

+ Quá trình công tác :

- Tháng 3/1998 - 6/1998 : Chuyên viên tài chính, kế toán tổng hợp, Công ty Sản xuất, xuất nhập khẩu Hương Sen Thái Bình.

- Tháng 7/1998 - 12/2001 : Kế toán trưởng, Xí nghiệp Xây dựng số 1, Công ty Xây dựng miền Tây - Bộ Xây Dựng.

- Tháng 01/2002 - 7/2002 : Chuyên viên tài chính, Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp - Bộ Xây Dựng.

- Tháng 8/2002 - 9/2003 : Trưởng phòng tài chính kế toán, Ban QLDA Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng thuộc Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp - Bộ Xây dựng.
- Tháng 9/2003 - 4/2004 : Phó trưởng phòng tài chính kế toán, Công ty Đầu tư xây dựng Long An IDICO.
- Tháng 5/2004 - 9/2007 : Phó trưởng phòng TCKT, Kế toán trưởng Công ty TNHH B.O.T An Sương An Lạc thuộc liên doanh IDICO, CIENCO 8, CIENCO 6.
- Tháng 12/2006 - 4/2010 : Trưởng ban Kiểm soát- Công ty cổ phần xây dựng Đầu khí IDICO.
- Từ 10/2007 - 06/2010 : Kế toán trưởng , Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO.
- Tháng 7/2010 - 08/2012 : Kế toán trưởng, Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO thuộc Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - Bộ Xây dựng.

+ Ông Nguyễn Trọng Thạo thôi giữ chức Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thuỷ điện Srok Phu Miêng IDICO kể từ ngày 14/8/2012 theo quyết định số 18/QĐ-CT ngày 14/08/2012 của Công ty IDICO-SHP.

Số cổ phần sở hữu và đại diện : 4.227.603 cổ phần, chiếm 9,4% VDL

Số cổ phần sở hữu : 10.000 cổ phần

Số cổ phần đại diện : 4.217.603 cổ phần

*** Bà Vũ Thị Thúy: Phụ trách Phòng Tài chính kế toán** từ tháng 8/2012.

- + Quốc tịch: Việt Nam. Năm sinh: 1984. Giới tính: Nữ
- + Dân tộc : Kinh.
- + Quê quán : Thái Bình.
- + Số CMND: : 151380981, cấp ngày 24/12/1998, tại Thái Bình.
- + Hộ khẩu thường trú : Phước Long - Bình Phước.
- + Trình độ văn hóa : 12/12.
- + Trình độ chuyên môn : Cao đẳng kế toán doanh nghiệp.
- + Trình độ lý luận chính trị : Sơ cấp.
- + Điện thoại liên lạc : 0989162039.
- + Quá trình công tác :
- Tháng 12/2005 - 8/2006 : Nhân viên kế toán cơ sở sản xuất và chế biến hạt điều Định Mạch.
- Tháng 8/2006 - 12/2006 : Nhân viên kế toán phòng TCKT Ban quản lý dự án Nhà máy thủy điện Srok Phu Miêng.
- Tháng 01/2007 - 02/2008 : Nhân viên phòng TCKT Nhà máy thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.

- Tháng 02/2008 - 10/2008 : Nhân viên phòng TCKT Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.
- Tháng 10/2008 - 08/2012 : Phó trưởng phòng TCKT, Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.
- Tháng 8/2012 - đến nay : Phó trưởng phòng TCKT, Phụ trách phòng TCKT Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.
- + Bà Vũ Thị Thuý nhận nhiệm vụ Phụ trách phòng TCKT công ty cổ phần Thuỷ điện Srok Phu Miêng IDICO theo quyết định số 290/QĐ-CT ngày 14/8/2012 của Công ty IDICO-SHP.

2.2/ Thay đổi trong Ban điều hành trong năm:

- Thay đổi Kế toán trưởng:
 - + Ông Nguyễn Trọng Thạo thôi giữ chức Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thuỷ điện Srok Phu Miêng IDICO kể từ ngày 14/8/2012 theo quyết định số 18/QĐ-CT ngày 14/08/2012 của Công ty IDICO-SHP.
 - + Bà Vũ Thị Thuý nhận nhiệm vụ Phụ trách phòng TCKT công ty cổ phần Thuỷ điện Srok Phu Miêng IDICO theo quyết định số 290/QĐ-CT ngày 14/8/2012 của Công ty IDICO-SHP.

2.3/ Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

- Số lượng cán bộ, công nhân viên: 89 người.
- Không có lao động dôi dư hoặc không bố trí được việc làm.
- 100% tham gia tổ chức Công đoàn.
- Công ty luôn đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định hiện hành của Luật Lao động như: trích nộp đầy đủ và đúng hạn bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, nâng lương đúng hạn ...
- Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật giúp nâng cao năng suất lao động và doanh thu; đồng thời cũng áp dụng những biện pháp, quy định xử phạt nghiêm minh đối với những cán bộ công nhân viên vi phạm nội quy, kỷ luật lao động.
- Công ty luôn quan tâm, tạo điều kiện bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên.
- Công ty luôn chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên giúp người lao động yên tâm công tác (tổ chức bếp ăn tập thể, bếp ăn tại chỗ, thăm hỏi động viên người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn, tặng quà các ngày lễ tết, đảm bảo an ninh trật tự ...) Bên cạnh đó, chi bộ Công ty thường xuyên chỉ đạo các tổ chức đoàn thể xây dựng và triển khai thực hiện các phong trào thi đua lao động sản xuất, phong trào văn hoá, văn nghệ, thể thao, giao lưu học hỏi kinh nghiệm với các đơn vị trên địa bàn để nâng cao tinh thần đoàn kết, tương trợ học hỏi kinh

nghiệm lẫn nhau.

3.Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Dự án Khu dân cư dọc 2 bên đường vào Nhà máy Xi măng Bình Phước tại xã Thanh Lương, thị xã Bình Long được UBND tỉnh Bình Phước chấp thuận chủ trương cho Công ty thực hiện đầu tư xây dựng tại Văn bản số 3851/UBND-SX ngày 17/11/2009. Dự án đã được UBND huyện Bình Long phê duyệt đồ án thiết kế quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 26/6/2010.

- Công tác đo đạc giải thửa, công tác lập thiết kế cơ sở và dự án đầu tư đã được thực hiện trong năm 2010. Hiện tại, IDICO-SHP đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý. Do chính sách thắt chặt tiền tệ và do tình hình tài chính hiện nay vẫn diễn biến phức tạp nên dự án tạm thời ngưng thực hiện, khi có điều kiện thuận lợi sẽ tiếp tục tiến hành đầu tư.

- Các công ty con, công ty liên kết: Không phát sinh tại Công ty

4. Tình hình tài chính

4.1/ Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	1.172.719.924.702	1.147.069.087.685	-2,18%
Doanh thu thuần	150.183.952.253	200.658.180.180	33,61%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	176.518.000	45.848.694.463	25874%
Lợi nhuận khác	(3.924.349)	5.721	
Lợi nhuận trước thuế	172.593.651	45.848.700.184	26464%
Lợi nhuận sau thuế	172.593.651	45.848.700.184	26464%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0%

4.2/ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
1- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:			
- Khả năng thanh toán nhanh	5,96%	18,83%	
- Khả năng thanh toán ngắn hạn	21,55%	22,23%	
2- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	69,25%	61,66%	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	160%	225%	
3- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	10,4	11,24	
- Vòng quay hàng tồn kho	12%	17%	

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản			
4- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,12%	22,85%	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,05%	10,43%	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,015%	4%	
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	0,12%	22,85%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1/ Cổ phần

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 45.000.000 cổ phiếu thường
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại: 45.000.000 cổ phiếu, bao gồm:
 - + Cổ phiếu thường: 45.000.000 cổ phiếu.
 - + Cổ phiếu ưu đãi : 0 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 45.000.000 cổ phần
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại: Không.
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: Không.

5.2 Cơ cấu cổ đông

- Tổng vốn điều lệ của Công ty là 450.000.000.000 đồng được chi tiết theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu sau:

- Phân loại theo tiêu chí Cổ đông lớn, cổ đông nhỏ:

- + Cổ đông lớn: 334.676.030.000 đồng, chiếm tỷ lệ 74,37%.
- + Cổ đông nhỏ: 115.323.970.000 đồng, chiếm tỷ lệ 25,63%.

- Phân loại theo tiêu chí cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân:

- + Cổ đông tổ chức: 344.176.030.000 đồng, chiếm tỷ lệ 76,48%.
- + Cổ đông cá nhân: 105.823.970.000 đồng, chiếm tỷ lệ 23,52%

- Phân loại theo tiêu chí cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài:

- + Cổ đông trong nước: 450.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 100%.
- + Cổ đông nước ngoài: 0 đồng, chiếm tỷ lệ 0%

- Phân loại theo tiêu chí cổ đông Nhà nước, cổ đông khác:

- + Cổ đông Nhà nước: 334.676.030.000 đồng, chiếm tỷ lệ 74,37%.
- + Cổ đông khác: 115.323.970.000 đồng, chiếm tỷ lệ 25,63%.

* Thông tin về cổ đông lớn, cổ đông Nhà nước:

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của tổ chức, công ty:

Công ty mẹ: Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam (IDICO).

Trụ sở chính: 151 Teras Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, TP.HCM

Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 33.467.603 cổ phần chiếm tỷ lệ 74,37% vốn điều lệ.

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty IDICO xem chi tiết trên www.idico-shp.com.vn.

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không phát sinh trong năm.

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ và các chứng khoán khác

Không phát sinh trong năm.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH2012	Thực hiện		TH2012/ KH2012	TH2012/ TH2011
				2011	2012		
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	228	221	279	122%	126%
2	Sản lượng nước	M ³	549.000	547.500	549.000	100,0%	100,0%
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	158.715	161.337	208.485	131%	129%
4	Tổng chi phí	Tr.đồng	156.145	161.164	162.636	104%	100,9%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	2.570	173	45.849	1784%	26565%

- Năm 2012, các chỉ tiêu chính của đơn vị đều đạt và vượt mức kế hoạch đề ra, mức tăng trưởng cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

- Các tháng đầu năm 2012 tình hình thời tiết tiếp tục khô hạn kéo dài, nhưng những tháng cuối năm 2012 lưu lượng nước về hồ lớn, cùng với chế độ chạy máy hiệu quả, tiết kiệm tối đa nguồn nước nên sản lượng điện năm 2012 đã đạt 279 triệu kWh tăng 26% so với năm 2011 (279/221 triệu kWh) và vượt 22% so với kế hoạch đề ra (279/228 triệu kWh).

- Về lãi vay: Năm 2012 biến động lãi suất không lớn, tuy nhiên vẫn duy trì ở mức cao (*trên 13,55%/năm*) làm cho chi phí lãi vay của Công ty rất lớn (*gần 81 tỷ*). Công ty phải chủ động cân đối dòng tiền trả nợ kịp thời, không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn. Đối với các khoản nợ nước ngoài (*Quỹ tích lũy Bộ Tài chính và ngân hàng XNK Trung Quốc*) công ty phải vay toàn bộ từ Tổng công ty IDICO để trả nợ.

- Nhà máy nước Bình Phước-IDICO đã đi vào hoạt động ổn định, an toàn, mang lại hiệu quả cao, nhưng hiện tại dân cư tại khu vực đường vào Nhà máy xi măng Bình Phước còn ít nên việc cung cấp nước sạch cho khu dân cư còn chưa thực hiện được.

- Năm 2012 IDICO SHP đã tích cực đàm phán tăng giá điện, kết quả giá bán điện của Công ty đã được tăng 5% kể từ 01/4/2012. Hiện tại yếu tố phí dịch vụ

môi trường rừng và chênh lệch tỷ giá đã được EVN chấp thuận đưa vào công thức tính giá mua bán điện nhưng chưa được áp dụng còn chờ hướng dẫn của Bộ công thương.

- Công ty đã lập kế hoạch huy động và sử dụng vốn hợp lý trả nợ vay Ngân hàng đúng thời hạn và không xảy ra nợ quá hạn.

- Công ty đã đàm phán được với các ngân hàng đồng tài trợ trong nước Dự án Nhà máy thủy điện Srok Phu Miêng và ký phụ lục hợp đồng giãn thời gian trả nợ thêm 4 năm, góp phần giảm áp lực trả nợ trong năm 2013 và các năm tiếp theo.

- Đã đảm bảo an toàn trong vận hành Nhà máy điện và chuẩn bị đủ nguồn lực cho thị trường phát điện cạnh tranh, vận hành Nhà máy nước, trạm biến thế và hệ thống đường điện 110Kv không để xảy ra sự cố.

- Thực hiện tốt việc khảo sát, lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên và định kỳ, đặc biệt trong các đợt trung tu các tổ máy. Do vậy đã đáp ứng yêu cầu về chất lượng, tiến độ và tiết kiệm chi phí hơn so với thuê ngoài.

- Đảm bảo việc làm và thu nhập của người lao động, không để tình trạng không bố trí được việc làm, không có lao động dôi dư.

- Thực hiện tốt nghĩa vụ với NSNN, duy trì được cuộc sống cho người lao động trong Công ty.

* Thuận lợi:

+ Năm 2012, lưu lượng nước về hồ cao hơn so với cùng kỳ năm trước. Theo thống kê, lưu lượng nước về hồ Srok Phu Miêng đạt $195\text{m}^3/\text{s}$, tăng 32% so với cùng kỳ năm 2011 ($147\text{m}^3/\text{s}$), sản lượng điện năm 2012 đạt 279 triệu kWh, đạt 122% sản lượng kế hoạch năm 2012 đề ra và vượt 26% so với cùng kỳ năm 2011. Đây là nhân tố quan trọng mang lại lợi nhuận cho Công ty trong năm 2012 với số tiền gần 46 tỷ đồng.

+ Luôn được Tổng công ty quan tâm chỉ đạo sát sao và tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình hoạt động.

+ Nhu cầu về điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt liên tục tăng qua các năm, đảm bảo thị trường đầu ra tăng trưởng cho Công ty. Năm 2012 thị trường phát điện cạnh tranh chính thức đi vào hoạt động, tạo cơ hội cho các đơn vị phát điện cạnh tranh về giá và việc điều chỉnh tỷ giá trong công thức tính giá điện sẽ tạo doanh thu tăng trưởng cho Công ty trong thời gian tới.

+ Mối quan hệ hợp tác tốt đẹp giữa Công ty với các đối tác khách hàng thân thiết (EVN, EPTC, Hà Tiên 1) và các tổ chức tín dụng (BIDV Đồng Nai, BIDV Bình Phước, Agribank Nhà Bè, Agribank Bà Rịa Vũng Tàu, VDB Bình Phước...) đã chia sẻ khó khăn để vượt qua thách thức của lạm phát.

+ Sự ủng hộ của các Sở ban ngành trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong các dự án Đầu tư tại tỉnh.

+ Công ty có đội ngũ CBCNV có tay nghề, trình độ chuyên môn cao, không ngừng học hỏi và quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, luôn đoàn kết, gắn bó với ban lãnh đạo Công ty để hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đã đề ra.

* Khó khăn:

+ Về lãi vay: Lãi suất vốn vay các Hợp đồng tín dụng trong nước vẫn còn ở mức cao (*quý 1/2012 là 18,05%/năm, quý 2/2012 là 17,05%/năm, quý 3/2012 là 13,55%/năm, quý 4/2012 là 14,05%/năm*), đã làm cho chi phí tài chính của Công ty luôn chiếm tỷ lệ trên 50%/*tổng chi phí*. Đây là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến hiệu quả SXKD của đơn vị. Công ty phải chủ động lập kế hoạch cân đối dòng tiền để trả nợ kịp thời, không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn.

+ Kể từ ngày 01/4/2012, Công ty được EVN chấp thuận tăng 5% giá bán điện (*chưa bao gồm thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng*), giá bán điện trên vẫn còn thấp hơn giá thành sản phẩm. Đối với yếu tố chênh lệch tỷ giá, mặc dù đã được đưa vào công thức tính giá điện nhưng hiện tại chưa được áp dụng, còn chờ ý kiến hướng dẫn của Bộ Công thương. Còn yếu tố lãi vay, là yếu tố chiếm tỷ trọng lớn nhất trong *tổng chi phí SXKD* của Công ty, ảnh hưởng lớn nhất đến hiệu quả SXKD thì chưa được coi là một trong những yếu tố đầu vào để bổ sung vào công thức tính tiền điện cho Công ty.

+ Phát sinh phí dịch vụ môi trường rừng đối với hoạt động điện năng là 20 đồng/kWh, chiếm tỷ lệ 3,22% doanh thu điện và đối với hoạt động sản xuất nước sạch là 40 đồng/m³ nhưng hiện tại Công ty chưa được EVN thanh toán để nộp cho quỹ Bảo vệ và phát triển rừng theo quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010.

+ Chi phí quản lý, bảo dưỡng, vận hành Nhà máy tăng hàng năm do các yếu tố đầu vào tăng cao như: lương và chính sách cho người lao động, nhiên liệu, vật liệu...

+ Áp lực về cổ tức phải trả cho các cổ đông hàng năm (*nha may hoat dong theo mo hinh cong ty co phan tu 09/01/2008 theo Quyet dinh so 29/QD-BXD cua Bo Xay dung*).

+ Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước đối với việc thực hiện các quy định trong hoạt động sản xuất của các nhà máy thủy điện, đập thủy điện trong thời gian qua rất nghiêm ngặt như: kiểm tra chặt chẽ về quy trình vận hành, giấy phép khai thác sử dụng nước mặt, phương án phòng chống lũ lụt cho vùng hạ du đập, phương án bảo vệ đập, phương án phòng chống lụt bão đảm bảo an toàn đập hàng năm, kiểm định an toàn đập, giấy chứng nhận sở hữu công trình, ... việc này đã gây khó khăn cho Công ty do phải đầu tư rất nhiều về thời gian, nhân lực và chi phí. Hiện tại, IDICO-SHP đã

hoàn thành các nội dung: quy trình vận hành, phương án bảo vệ đập, phương án phòng chống lụt bão đảm bảo an toàn đập hàng năm. Bên cạnh đó, IDICO-SHP đang triển khai thực hiện các nội dung còn lại theo quy định.

2. Báo cáo tình hình tài chính

2.1/ Tình hình tài sản, nguồn vốn

Tài sản	Giá trị	Nguồn vốn	Giá trị
Tài sản ngắn hạn: Trong đó: Tồn kho	34.710.593.198 5.307.583.721	Nợ phải trả: Trong đó: - Nợ ngắn hạn: + Quỹ KT, PL - Nợ dài hạn	707.327.403.770 156.108.898.514 65.759.441 551.218.505.256
Tài sản dài hạn	1.112.358.494.487	Vốn chủ sở hữu Trong đó: - Quỹ ĐTPT - Quỹ khác	439.741.683.915 7.555.646.680
Tổng cộng	1.147.069.087.685	Tổng cộng	1.147.069.087.685

2.2/ Một số chỉ số tài chính chủ yếu:

- Tỷ số khả năng sinh lời	Năm 2011	Năm 2012
+ Lợi nhuận gộp / Doanh thu thuần	0,59	0,65
+ Lợi nhuận / Tổng tài sản (ROA)	0,015%	4%
+ Lợi nhuận / Vốn chủ sở hữu (ROE)	0,05%	10,43%
- Tỷ số khả năng thanh toán		
+ Khả năng thanh toán hiện hành	21,56%	22,23%
+ Khả năng thanh toán nhanh	5,96%	18,83%
- Nợ phải trả		
+ Tổng số nợ phải trả: 707.327.403.770 đồng.		
+ Tình trạng nợ: Bình thường		
- Cơ cấu vốn		
+ Nợ / Tổng tài sản	69,25%	61,66%
+ Vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản	30,74%	38,34%

2.3/Đánh giá về tình hình tài chính

- Trong năm 2012 tình hình quản lý và sử dụng tài sản tại Công ty tương đối hiệu quả, sự biến động về tài sản không lớn, tại công ty không phát sinh nợ phải thu khó đòi, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Về tình hình công nợ: tại thời điểm 31/12/2012, tổng nợ phải thu là 17.827 triệu đồng, tổng nợ phải trả là 707.327 triệu đồng.

+ Tất cả các khoản công nợ đều được đối chiếu, kiểm tra cụ thể, rõ ràng nên hiện tại IDICO-SHP không có công nợ phải thu khó đòi và nợ mất khả năng thanh toán.

+ Đối với các khoản phải thu khách hàng: đây là tiền điện, tiền nước sạch chưa đến kỳ thanh toán. IDICO-SHP luôn thường xuyên theo dõi và thu nợ đúng thời hạn.

+ Đối với các khoản nợ phải trả: chủ yếu là nợ phải trả IDICO và các tổ chức tín dụng (*Bộ Tài chính, Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc, Ngân hàng BIDV Đồng Nai, Ngân hàng VDB Bình Phước*). IDICO-SHP luôn theo dõi chi tiết các khoản nợ tín dụng trên và có kế hoạch trả nợ đúng hạn, không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn.

+ Tính đến thời điểm 31/12/2012, tỷ lệ thanh toán nhanh 18,83% là tương đối thấp, không đáp ứng được các khoản thanh toán nợ ngắn hạn. Ngược lại, tỷ lệ nợ/tổng tài sản (61,66%), tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu (1,61) còn tương đối cao, IDICO-SHP bị thiếu hụt nguồn tiền trả nợ, thanh toán cho khách hàng. Công ty đã chủ động huy động vốn từ nguồn IDICO và vay vốn lưu động tại ngân hàng BIDV Bình Phước để bổ sung nguồn vốn thiếu hụt.

- Trong năm 2012, biến động về lãi suất tín dụng trong nước không nhiều nhưng lãi suất vẫn luôn giữ ở mức cao (*trên 13,5%/năm*), đây là nguyên nhân chủ yếu làm cho chi phí tài chính luôn chiếm tỷ lệ trên 50%/tổng chi phí SXKD của Công ty và là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến kết quả SXKD của Công ty.

2.4/ Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh

+ Hệ số biên lợi nhuận gộp: Năm 2012 cao hơn năm 2011 (01 đồng doanh thu tạo ra 0,65 đồng lợi nhuận gộp năm 2012 so với 01 đồng doanh thu tạo ra 0,59 đồng lợi nhuận gộp trong năm 2011), cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 đã có hiệu quả hơn so với năm 2011.

+ So sánh các chỉ tiêu tỷ suất sinh lời : ROA, ROE, ROS tại ngày 31/12/2012 giữa IDICO-SHP với các công ty Thuỷ điện trên cùng bậc thang Sông Bé : Công ty CP Thủy điện Thác Mơ (TMP) , Công ty CP Thủy điện Cầu Đơn (SJD):

TT	Chỉ tiêu	SHP	TMP	SJD
1	Lợi nhuận sau thuế / tổng tài sản (ROA)	4,00 %	10,86%	15,27%
2	Lợi nhuận sau thuế /vốn chủ sở hữu (ROE)	10,43%	16,02%	23,58%
3	Lợi nhuận sau thuế /doanh thu (ROS)	21,99%	30,00%	44,92%

Nhận xét : Cả ba chỉ tiêu ROA, ROS, ROE của IDICO-SHP đều thấp hơn so với TMP, SJD, cho thấy hiệu quả kinh doanh của IDICO-SHP còn thấp so với các đối thủ cạnh tranh trong cùng hệ thống thủy điện bậc thang trên dòng Sông Bé nhưng đã tăng vượt bậc so với kết quả năm 2011 (ROA: 0,01%, ROE:

0,05%, ROS: 0,11%). Đây là kết quả rất đáng khích lệ đối với Công ty vì Thủy điện Srok Phu Miêng thuộc bậc thang thứ 3 trên sông Bé, là đơn vị thành lập sau TMP và SJD, Công ty đang trong giai đoạn đầu của quá trình thu hồi vốn.

3. Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công ty đã Ban hành các quy chế, quy định, phân công nhiệm vụ Ban lãnh đạo, quy định chức năng nhiệm vụ các Phòng, Xưởng hợp lý.
- Bảo đảm việc làm và thu nhập cho người lao động, không để tình trạng không bố trí được việc làm, không có lao động dôi dư.
- Đã đào tạo lực lượng trưởng ca vận hành và công nhân kỹ thuật chính quy, chuyên nghiệp, làm chủ công nghệ, kỹ luật lao động cao.
- Bên cạnh việc không ngừng nâng cao năng lực quản lý, kiện toàn và đổi mới cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, công ty luôn chú trọng đến việc tuyên truyền, khích lệ người lao động trong công việc, phát động phong trào thi đua sản xuất, thực hiện phương châm “*làm hết việc chứ không làm hết giờ*” nhằm nâng cao năng suất lao động, tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện Năm 2012	Kế hoạch Năm 2013	KH 2013/ TH 2012
1	Sản lượng điện tiêu	Tr.kWh	279	245	88%
2	Sản lượng nước	M ³	549.000	547.500	99,7%
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	208.485	174.755	84%
4	Tổng chi phí	Tr.đ	162.636	164.153	100,9%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	45.849	10.602	23%

Trong thời gian tới, tình hình kinh tế tiếp tục khó khăn, diễn biến phức tạp do đó việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 và các năm tiếp theo được Ban điều hành rất chú trọng. Công ty đã xác định những nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới như sau:

- Đảm bảo phát điện an toàn liên tục, hiệu quả, thực hiện đầy đủ các điều kiện, thủ tục để tham gia thị trường phát điện cạnh tranh.
- Đảm bảo vận hành sản xuất nước cung cấp cho Nhà máy Xi măng Bình Phước và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.
- Xây dựng chiến lược phát triển Công ty phù hợp với môi trường và Quy mô Công ty trong giai đoạn mới.
- Thực hiện đổi mới quản trị để nâng cao chất lượng và hiệu quả điều hành để đạt được mục tiêu kinh doanh trong năm 2013.

- Tiếp tục triển khai các Hợp đồng kinh tế về thi công xây lắp cho Công ty CP Đầu tư phát triển hạ tầng IDI, Công ty CP Đầu tư Điện Tín Phát để gia tăng doanh thu cho Công ty, tạo công ăn việc làm cho người lao động.

- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán khi có đủ điều kiện theo quy định của UBCK và các văn bản hướng dẫn.

- Thực hiện các chính sách nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông cũng như thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của người lao động trong Công ty.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2012 của IDICO-SHP đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens ngày 29/3/2013.

Trong báo cáo kiểm toán năm 2012, kiểm toán độc lập đã đưa ra một số ý kiến sau:

- Đối với việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu IDICO, Kiểm toán độc lập đã đưa ra ý kiến lưu ý: “*Việc ghi nhận Phải trả và Tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu IDICO với số tiền 30.000.000.000 VND có sự khác biệt so với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 04-Tài sản cố định vô hình*”.

Việc Công ty ghi nhận trên sổ sách kế toán như trên là căn cứ vào Quyết định 1346/QĐ-BXD ngày 31/10/2007 của Bộ Xây dựng và theo ý kiến của Kiểm toán Nhà nước trong Biên bản kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2008 của Công ty. Từ năm 2008 đến nay, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể về việc góp vốn bằng thương hiệu để thành lập các Công ty cổ phần. Do có những khác biệt như vậy nên Công ty vẫn trình bày giá trị thương hiệu là tài sản cố định vô hình và nợ phải trả. Công ty sẽ thực hiện các bút toán phân loại lại hoặc điều chỉnh khi có quy định, hướng dẫn cụ thể của các cơ quan, ban ngành có thẩm quyền về vấn đề này.

- Liên quan đến việc trích trước chi phí bảo lãnh, chi phí lãi vay, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ sau: “*Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2012 với ý kiến ngoại trừ do Công ty chưa thực hiện việc trích trước chi phí bảo lãnh, chi phí lãi vay phải trả Quỹ tích lũy Bộ Tài chính và chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng XNK Trung Quốc với số tiền là 4.637.345.149 đồng. Số tiền này Công ty đã hạch toán bổ sung trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012. Theo đó, kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 sẽ giảm lãi đi một khoản tương ứng*”.

Ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán độc lập trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 với mục đích đánh giá lại ảnh hưởng của vấn đề đã ngoài trừ trên báo cáo kiểm toán năm 2011 ảnh hưởng đến năm 2012 như thế nào, để nhấn mạnh người đọc thấy được Công ty đã hạch toán đầy đủ các khoản chi phí trên vào kết quả kinh doanh theo quy định của các văn bản hướng dẫn về Kế toán tính lũy kế đến thời điểm 31/12/2012, trong đó đã bao gồm chi phí phải trả mà công ty chưa thực hiện trích trước trong năm tài chính 2011.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

-Về kết quả hoạt động SXKD:

Năm 2012 tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn điều đó đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, trước tình hình đó, HĐQT và Ban điều hành đã chỉ đạo điều hành, bám sát các chỉ tiêu chủ yếu do Đại hội đồng cổ đông giao, đánh giá một số mặt cụ thể như sau:

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012	Thực hiện/kế hoạch
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	158.715	208.485	131%
2	Lợi nhuận kế toán trước thuế	Tr.đồng	2.570	45.849	1.784%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đồng	2.570	45.849	1.784%
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/cổ phiếu	57,1	1.018,8	1.786%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	0,23	4,00	1.739%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu (ROS)	%	1,62	21,99	1.358%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0,65	10,43	1605%

+ Theo số liệu trên các chỉ tiêu chính của đơn vị đều đạt và vượt mức kế hoạch đề ra, mức tăng trưởng cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

+ Trong năm 2012, Công ty đã thực hiện tốt công tác bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, công tác vận hành an toàn, hiệu quả Nhà máy điện và Nhà máy nước, công tác quản lý tài chính nhằm tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

- Về công tác quản lý:

+ Tính đến 31/12/2012 cơ cấu của đơn vị gồm Hội đồng quản trị (5 người); Ban giám đốc (03 người); 03 Phòng (Văn phòng tổng hợp, Tài chính kế toán, Kế hoạch kỹ thuật, 02 Xưởng (Xưởng Vận hành, Xưởng sửa chữa và quản lý công trình), 02 Đội (Đội Tư vấn giám sát, Đội Thi công xây lắp) và Nhà máy nước

Bình Phước IDICO.

+ HĐQT đã thực hiện việc bổ nhiệm và nâng lương đối với các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; tháng 02/2013 Hội đồng quản trị đã thực hiện việc bổ nhiệm lại Giám đốc và các Phó giám đốc theo đúng quy định.

+ Các bộ phận trực thuộc trong đơn vị được tổ chức sắp xếp một cách hợp lý, đáp ứng yêu cầu công việc. Việc quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh được thống nhất từ trên xuống dưới, bố trí sử dụng lao động, khen thưởng, kỷ luật đối với người lao động phù hợp với Điều lệ, nội quy của công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty

- Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên HĐQT được Ban giám đốc Công ty thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành. Các thành viên đã nỗ lực làm việc và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Qua quá trình giám sát, HĐQT nhận thấy Ban điều hành đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong điều hành các hoạt động của Công ty, chuẩn bị các nội dung báo cáo và trình HĐQT xem xét, phê duyệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành.

- Ban điều hành đã chủ động, chỉ đạo, tích cực xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh trong quản lý. Tổ chức và thực hiện tốt các giải pháp để hoàn thành kế hoạch được giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 đồng thời nhận thấy tình hình kinh tế trong năm 2013 vẫn còn nhiều khó khăn, rủi ro. HĐQT xác định định hướng hoạt động của Công ty trong năm 2013 như sau:

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của Ban điều hành và các cán bộ quản lý đảm bảo thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; hoàn thành tốt các chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông năm 2013 thông qua, đặc biệt đối với các công tác sau:

+ Tổ chức vận hành hiệu quả, an toàn hệ thống thiết bị, công trình Nhà máy điện để tiết kiệm tối đa nguồn tài nguyên nước và tận dụng tối đa công suất thiết kế của 02 tổ máy; hạn chế đến mức thấp nhất số giờ ngừng máy do sự cố, điều tiết hồ chứa hợp lý và chạy máy tập trung phát điện tối đa vào giờ cao điểm trong ngày để tăng thêm doanh thu.

+ Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ các tổ máy, đảm bảo cho các tổ máy hoạt động ổn định, tin cậy.

+ Tổ chức quản lý vận hành hiệu quả, an toàn Nhà máy nước nhằm tăng thêm doanh thu hàng năm cho Công ty, đồng thời tìm kiếm thêm khách hàng

cho Nhà máy nước để tăng sản lượng nước sạch bán ra trong thời gian tới và đây là loại hình đầu tư rất có hiệu quả.

- + Tăng cường công tác quản lý, giảm chi phí quản lý vận hành.
- + Tích cực đàm phán với EVN để tăng giá điện và được áp dụng yếu tố chênh lệch tỷ giá trong công thức tính giá mua bán điện.
- + Lập kế hoạch cân đối dòng tiền nhằm đảm bảo trả nợ đúng hạn cho các Ngân hàng và phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- + Thực hiện đổi mới quản trị để nâng cao chất lượng và hiệu quả điều hành để đạt được mục tiêu kinh doanh trong năm 2013.
- Đối với Dự án Khu dân cư đường vào Nhà máy xi măng Bình Phước tạm thời ngừng thực hiện khi có điều kiện thuận lợi sẽ tiếp tục tiến hành đầu tư.
- Chuẩn bị các điều kiện để tham gia thị trường phát điện cạnh tranh theo quy định của Chính phủ.
- Phối hợp với Ban giám đốc quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho các cổ đông cũng như quyền lợi và điều kiện làm việc của người lao động trong Công ty.
- HĐQT đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 với các chỉ tiêu được xác định như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2013	KH2013 /TH2012	Ghi chú
1	Sản lượng điện	tr.kWh	245	88%	
2	Sản lượng nước sạch	m3	545.000	100%	
3	Tổng doanh thu	tr.đồng	174.755	84%	
4	Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	10.602	23%	

- Trên cơ sở tình hình SXKD thực tế của đơn vị và dự báo tình hình SXKD trong thời gian tới, HĐQT đề ra Phương án hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2013-2017 với các chỉ tiêu được xác định như sau:

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch				
			Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
I Sản phẩm chính							
1	Điện năng	Tr.kWh	245	245	245	245	245
2	Nước sạch	m3	547.500	547.500	547.500	549.000	547.500
II Tổng giá trị SXKD		Tr.đ	193.854	193.755	193.755	193.769	193.755
III Một số chỉ tiêu tài chính							
1	Doanh thu	Tr.đ	174.755	175.329	175.329	175.342	175.329
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	10.602	12.815	18.259	39.793	49.038
3	Nộp NSNN	Tr.đ	23.178	24.255	25.380	27.057	31.243

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1/ Thành viên và cơ cấu của HĐQT.

Hội đồng quản trị gồm có 05 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập không điều hành (Ông Phạm Văn Toán, Ông Nguyễn Hồng Hải):

- Ông Phạm Văn Toán	: Chủ tịch HĐQT
+ Số cổ phần sở hữu và đại diện	: 9.055.000 cổ phần, chiếm 20,12% VDL
+ Số cổ phần sở hữu	: 55.000 cổ phần
+ Số cổ phần đại diện	: 9.000.000 cổ phần
- Ông Nguyễn Văn Dinh	: Uỷ viên kiêm Giám đốc Công ty
+ Số cổ phần sở hữu và đại diện	: 6.755.300 cổ phần, chiếm 15% VDL
+ Số cổ phần sở hữu	: 5.300 cổ phần
+ Số cổ phần đại diện	: 6.750.000 cổ phần
- Ông Nguyễn Thanh Hoài	: Uỷ viên kiêm Phó giám đốc Công ty
+ Số cổ phần sở hữu	: 2.250 cổ phần, chiếm 0,005% VDL
- Ông Bùi Hải Nam	: Uỷ viên kiêm Phó giám đốc Công ty
+ Số cổ phần sở hữu và đại diện	: 6.775.000 cổ phần, chiếm 15% VDL
+ Số cổ phần sở hữu	: 25.000 cổ phần
+ Số cổ phần đại diện	: 6.750.000 cổ phần
- Ông Nguyễn Hồng Hải	: Uỷ viên
+ Số cổ phần sở hữu và đại diện	: 6.760.950 cổ phần, chiếm 15% VDL
+ Số cổ phần sở hữu	: 10.950 cổ phần
+ Số cổ phần đại diện	: 6.750.000 cổ phần

1.2/ Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không phát sinh tại Công ty

1.3/ Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Trong năm 2012 HĐQT đã tổ chức 01 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 và 04 phiên họp HĐQT định kỳ, 03 cuộc họp đột xuất để kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động cũng như chỉ đạo thực hiện các hoạt động SXKD của Công ty.

- HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra các chủ trương, Nghị quyết và Quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành Công ty hoàn thành nhiệm vụ SXKD của mình. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất, chấp thuận của các thành viên HĐQT

1.4/ Hoạt động của các tiêu ban trong Hội đồng quản trị

Không phát sinh tại Công ty

1.5/ Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty, danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm:

- Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:
 - + Ông Phạm Văn Toán
 - + Ông Nguyễn Hồng Hải
- Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm:
 - + Ông Nguyễn Văn Dinh
 - + Ông Bùi Hải Nam

2. Ban kiểm soát

* Ban kiểm soát Công ty gồm có 03 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập không điều hành (Bà Trần Thị Ngọc), gồm có:

- | | |
|-----------------------|-------------------------------------|
| - Bà Trần Thị Ngọc | : Trưởng Ban |
| + Số cổ phần sở hữu | : 1.000 cổ phần, chiếm 0,0022% VĐL. |
| - Bà Nguyễn Thùy Linh | : Thành viên |
| + Số cổ phần sở hữu | : 0 cổ phần |
| - Ông Nguyễn Quốc Trí | : Thành viên |
| + Số cổ phần sở hữu | : 500 cổ phần, chiếm 0,0011% VĐL. |

* Trong năm 2012, Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện tốt công tác giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty cũng như thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

3.1/ Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.

- Mức thù lao của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, thư ký Công ty trong năm 2012 như sau:

STT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao	Tổng cộng
1	Chủ tịch HĐQT	1	3.000.000 đồng/tháng	3.000.000
2	Ủy viên HĐQT	4	2.000.000 đồng/tháng	8.000.000
3	Trưởng BKS	1	2.000.000 đồng/tháng	2.000.000
4	Thành viên BKS	2	1.000.000 đồng/tháng	2.000.000
5	Thư ký công ty	1	1.000.000 đồng/tháng	1.000.000

- Quyền lợi của Ban Giám đốc (tiền lương, thưởng của Ban giám đốc và các quyền lợi khác của Ban giám đốc): Hưởng lương trực tiếp theo Quy chế trả lương, thưởng của Công ty.

Quyền lợi của Ban Giám đốc năm 2012:



Chức vụ	Tổng lương	Tổng thưởng	Thu nhập khác
Ban Giám đốc	894.478.875	0	0

3.2/ Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT:

Họ tên	Số lượng cổ phần	Tổng giá trị cổ phần	%Vốn điều lệ	Loại cổ phần	Ghi chú
Phạm Văn Toán	55.000	550.000.000	0,12	Phổ thông	Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Văn Dinh	5.300	53.000.000	0,012	Phổ thông	Ủy viên HĐQT
Nguyễn Hồng Hải	10.950	109.500.000	0,024	Phổ thông	Ủy viên HĐQT
Nguyễn Thanh Hoài	2.250	22.500.000	0,005	Phổ thông	Ủy viên HĐQT
Bùi Hải Nam	25.000	250.000.000	0,056	Phổ thông	Ủy viên HĐQT
Tổng cộng	98.500	985.000.000	0,217		

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:

+ Năm 2012 ông Phạm Văn Toán nhận chuyển nhượng cổ phần, cụ thể:

./ Số lượng cổ phần giao dịch tăng trong năm là 25.000 cổ phần

./ Số lượng cổ phần sở hữu cuối năm 2012 là 55.000 cổ phần

3.3/ Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không phát sinh

3.4/ Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

- Theo quy định hiện hành, Công ty đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định về quản trị Công ty. Nhằm tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị, trong thời gian tới Công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp sau:

+ Thường xuyên theo dõi, cập nhật các quy định mới, hướng dẫn mới của các cơ quan ban ngành để kịp thời nghiên cứu, áp dụng cho phù hợp với hoạt động của Công ty và đảm bảo hoạt động quản trị của Công ty luôn thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

+ Tiếp tục cử các cán bộ lãnh đạo, quản lý Công ty tham gia các lớp tập huấn, đào tạo về quản trị Công ty và các lớp bồi dưỡng chuyên ngành khác.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Công ty cổ phần thủy điện Srok Phu Miêng IDICO
Thôn 7, Xã Long Bình, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.
Tel : 0651 373 1400 Fax 0651 373 1092

www.idico-shp.com.vn

E-mail : headoffice@idico-

shp.com.vn

Trang 26/32

và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Công ty Cổ phần Thuỷ điện Srok Phu Miêng IDICO (gọi tắt là “Công ty”) được trình bày từ trang 5 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế trong xử lý kế toán

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, báo cáo kiểm toán phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2012 với ý kiến ngoại trừ do Công ty chưa thực hiện việc trích trước chi phí bảo lãnh, chi phí lãi vay phải trả Quỹ tích lũy Bộ tài chính và chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng XNK Trung Quốc với số tiền là 4.637.345.149 đồng. Số tiền này Công ty đã hạch toán bổ sung trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012. Theo đó, kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 sẽ giảm lãi đi một khoản tương ứng.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề đã nêu tại phần Hạn chế trong xử lý kế toán, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Lưu ý:

Việc ghi nhận Phải trả và Tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu IDICO với số tiền 30.000.000.000 VND có sự khác biệt so với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
TÀI SẢN				
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		34.710.593.198	44.653.818.231
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		11.220.505.394	12.335.298.913
1. Tiền	111	V.01	2.720.505.394	1.135.298.913
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.500.000.000	11.200.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		-
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
III. Các khoản phải thu	130		17.826.895.358	25.125.156.489
1. Phải thu của khách hàng	131		13.559.163.169	16.944.449.680
2. Trả trước cho người bán	132		1.035.610.372	132.122.272
3. Các khoản phải thu khác	135	V.03	3.232.121.817	8.048.584.537
IV. Hàng tồn kho	140		5.307.583.721	7.109.164.829
1. Hàng tồn kho	141	V.04	5.307.583.721	7.109.164.829
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		355.608.725	84.198.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		250.260.765	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		105.347.960	84.198.000
B. Tài sản dài hạn (200=220+240+250+260)	200		1.112.358.494.487	1.128.066.106.471
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		1.021.769.619.403	1.059.844.068.427
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	782.586.626.701	819.306.835.422
- Nguyên giá	222		1.065.521.591.624	1.064.671.616.558
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(282.934.964.923)	(245.364.781.136)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	235.332.374.659	236.989.711.723
- Nguyên giá	228		243.512.007.047	243.512.007.047
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(8.179.632.388)	(6.522.295.324)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	3.850.618.043	3.547.521.282

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
V. Tài sản dài hạn khác	260		90.588.875.084	68.222.038.044
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	90.586.875.084	68.220.038.044
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		-
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.000.000	2.000.000
Tổng cộng Tài sản (270=100+200)	270		1.147.069.087.685	1.172.719.924.702
NGUỒN VỐN				
A. Nợ phải trả (300=310+320)	300		707.327.403.770	812.156.262.349
I. Nợ ngắn hạn	310		156.108.898.514	207.141.575.372
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	69.276.131.721	81.957.509.008
2. Phải trả người bán	312		2.365.796.317	2.375.230.911
3. Người mua trả tiền trước	313		717.533.015	
4. Thuế và các khoản phải nộp NN	314	V.16	4.261.723.542	2.435.346.990
5. Phải trả người lao động	315		1.508.445.171	1.552.589.526
6. Chi phí phải trả	316	V.17	3.760.124.290	
7. Các khoản phải trả và phải nộp khác	319	V.18a	74.153.385.017	118.584.339.496
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		65.759.441	236.559.441
II. Nợ dài hạn	330		551.218.505.256	605.014.686.977
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.18b	166.261.088.378	138.833.138.378
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	384.957.416.878	466.181.548.599
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+420)	400		439.741.683.915	360.563.662.353
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	439.741.683.915	360.563.662.353
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		450.000.000.000	450.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			(33.329.321.378)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.555.646.680	7.555.646.680
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(17.813.962.765)	(63.662.662.949)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
Tổng cộng Nguồn vốn (430=300+400)	440		1.147.069.087.685	1.172.719.924.702

(Báo cáo tài chính 2012 đã được kiểm toán)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
I	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	200.658.180.180	150.183.952.253
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26		
3. Doanh thu thuần về hàng bán và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	200.658.180.180	150.183.952.253
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	69.792.719.831	62.165.340.878
5. Lợi nhuận gộp về hàng bán và cung cấp dịch vụ	20		130.865.460.349	88.018.611.375
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	7.827.147.054	11.152.599.728
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	84.570.123.278	91.131.412.821
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>80.522.187.651</i>	<i>86.235.322.292</i>
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.273.789.662	7.863.280.282
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		45.848.694.463	176.518.000
11. Thu nhập khác	31		5.721	4.601
12. Chi phí khác	32			3.928.950
13. Lợi nhuận khác	40		5.721	(3.924.349)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		45.848.700.184	172.593.651
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		45.848.700.184	172.593.651
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.019	4

(Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán)

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm 2012	Năm 2011
1.Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		218.896.083.240	164.363.529.483
2.Tiền chi trả cho người cung cấp dịch vụ	02		(5.056.027.515)	(6.372.385.669)
3.Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.692.620.290)	(9.926.585.344)
4.Tiền chi trả lãi vay	04		(54.084.939.101)	(71.557.842.660)
5.Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			
6.Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		792.647.951	8.764.093.980
7.Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(31.026.797.082)	(20.591.643.275)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		117.828.347.203	64.679.166.515
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác.	21		(16.945.455)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác	22			-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(34.700.000.000)	(73.300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		34.700.000.000	73.300.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.732.178.054	5.844.153.900
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12.715.232.599	5.844.153.900
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.322.589.475	4.057.781.400
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(134.980.962.796)	(74.718.867.430)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(131.658.373.321)	(70.661.086.030)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ($50 = 20 + 30 + 40$)	50		(1.114.793.519)	(137.765.615)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.335.298.913	12.473.064.528
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ($70 = 50 + 60 + 61$)	70	VII.34	11.220.505.394	12.335.298.913

***Ghi chú:** Toàn văn báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty hợp danh kiểm toán Việt Nam, xem chi tiết trên trang thông tin điện tử của Công ty: www.idico-shp.com.vn.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2012 của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.

Trân trọng./.

Noi nhận: 2

- UBCK (để b/c);
- Quý Cổ đông (để b/c)
- Website Công ty (để công bố thông tin).
- Lưu VP, TCKT.



Nguyễn Văn Dinh

